TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/DS-PT
Ngày 13 - 01 - 2023
V/v tranh chấp đòi lại QSDĐ bị lấn chiếm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũ.

Các Thẩm phán: Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng;

Ông Nguyễn Quốc Định.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 01 năm 2023 và tuyên án ngày 13 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 220/2022/TLPT-DS ngày 01 tháng 12 năm 2022, về việc *"Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất bị lấn chiếm"*.

Do Bản án sơ thẩm số 74/2022/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 269/2022/QĐ-PT ngày 08 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Út H**, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng

- *Bị đơn:* Ông **Đoàn Minh T**, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Huỳnh Thị C. (vắng mặt)

2/ Anh Đoàn Văn H. (vắng mặt)

3/ Chị Nguyễn Thị N. (vắng mặt)

4/ Anh Huỳnh Văn L. (vắng mặt)

5/ Chị Đoàn Thị Diệu H. (vắng mặt)

6/ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1952. (có mặt)

7/ Anh Cao Văn M. (vắng mặt)

8/ Ông Huỳnh Văn K, sinh năm 1955. (vắng mặt)

9/ Bà Trần Thị N. (vắng mặt)

10/ Chị Huỳnh Thanh T, sinh năm 1986. (vắng mặt)

11/ Anh Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1990. (vắng mặt)

12/ Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1965. (có mặt)

13/ Bà Thái Thị Thu B, sinh năm 1967. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp H, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng

14/ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tuấn A - Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, chi nhánh Sóc Trăng.

Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Huỳnh Vũ Hoàng Th – Trưởng phòng giao dịch Ngã Năm (vắng mặt)

Địa chỉ liên hệ: Số x, đường M, Khóm A, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Út H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Út H trình bày:

Bà có phần đất diện tích 3.890m^2 thuộc thửa số 10, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp H, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng đã được Ủy ban nhân dân huyện N (nay UBND thị xã N) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/5/2004. Phần đất này có nguồn gốc là của cha mẹ bà cho lại bà. Đến ngày 25/02/2005 bà có chuyển nhượng cho ông Ngô Thanh D diện tích là 2001,6m^2, thuộc một phần thửa số 10, tờ bản đồ số 11, tọa lạc: ấp H, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Ngoài ra, khi còn sống thì cha mẹ bà có thiếu nợ của bà T 06 chỉ vàng 24K lấy lời là 01 cây vàng 24K. Sau đó, thì bà T đã vô lấy một phần đất này để trừ nợ diện tích khoảng 01 công, hiện phần đất này do ông L đang sử dụng. Đối với phần đất còn lại thì do bà sử dụng cho đến nay. Trong quá trình sử dụng thì không hiểu lý do gì phía ông Đoàn Minh T ngang nhiên chiếm một phần đất của bà với diện tích là ngang 03m và dài 90m. Sau khi phát hiện ông T lấn chiếm bà đã nhiều lần yêu cầu trả lại nhưng phía ông Tràng vẫn không thực hiện. Bà có yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết nhưng không thành.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đoàn Minh T trả lại cho bà phần đất lấn chiếm theo số đo thực tế là 322,6m^2, thuộc thửa số 10, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp H, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn ông Đoàn Minh T trình bày:

Phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của cha mẹ ông để lại cho ông từ năm 1975. Đến khoản năm 1981 ông Nguyễn Văn A là cha của bà Nguyễn Thị Út H trong Mỹ Bình ra xin chính quyền phần đất hoang đầu kinh để làm nền nhà ở. Đất của ông ở xéo qua phần chổ của ông A, thì ông A có hỏi ông xin phần đất xéo đó cho thẳng và vuông đất, thấy vậy thì ông mới cho ông A vì ngày trước đất hoang. Sau đó, ông với ông A mới đào đường mương 04m mỗi bên ra 02 m. Đến năm 2002 thì ông có qua mời ông A và chính quyền địa phương để ông cậm ranh ngay giữa con mương từ trước ra sau. Sau đó, phía ông A có chuyển nhượng cho bà Nguyễn Lệ T một phần đất giáp ông, phần đất này hiện bà T bán lại cho ông Nguyễn Văn L và bà Thái Thị Thu B để cất nhà ở. Đến năm 2009 thì ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phía trước lộ thì vào năm 2015 ông xây hàng rào, phần đất phía sau ông có trồng một số cây tràm hiện đã lớn. Khi đó ông A còn sống mà không xảy ra tranh chấp gì.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Út H về việc yêu cầu ông trả lại phần đất này thì ông không đồng ý. Do phần đất này ông sử dụng ổn định từ trước đến nay mà không có tranh chấp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thị T trình bày*:

Bà thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Út H.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L trình bày*:

Vào năm 2011 vợ ông là bà Thái Thu B có thỏa thuận chuyển nhượng một phần đất của bà Nguyễn Lệ T. Phần đất này có nguồn gốc là của cha mẹ bà Nguyễn Thị Út H. Khi thỏa thuận chuyển nhượng phần đất này đã có cậm trụ đá xung quanh làm ranh và có tứ cạnh một bên là giáp ông T, một bên là giáp phần đất của ông K chuyển nhượng lại của ông D, phía trước giáp với nhà của bà T, phía sau giáp lộ củ. Hiện vợ chồng ông đã cất nhà ở ổn định. Tuy nhiên, đến nay ông vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ khi về cất nhà ở đến nay thì không có xảy ra tranh chấp ranh đất gì với ai.

Tại Bản án sơ thẩm số 74/2022/DS-ST ngày 13/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, án sơ thẩm tuyên như sau:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 157, Điều 165, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 của Bộ luật dân sự; Điều 203 của Luật đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12, Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Út H về việc buộc bị đơn ông Đoàn Văn T trả lại phần đất tranh chấp lấn chiếm có

diện tích 322,6m^2, thuộc thửa 11, tờ bản đồ số 11, tọa lạc ấp H, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Phần đất có tứ cạnh như sau:

+ Hướng đông giáp lộ nhựa có số đo: 3,8m.

+ Hướng tây giáp lộ củ có số đo: 3,5m.

+ Hướng nam giáp thửa 11 có số đo: 2,26m + 17,74m + 60,33m.

+ Hướng bắc giáp thửa 807 có số đo: 1,43m + 12,35m + 6,24m + 60,48m.

(Có sơ đồ kèm theo)

2/ *Về chi phí thẩm định và định giá*: Tổng số tiền là 4.000.000 đồng (*bốn triệu đồng*) buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị Út H phải chịu. Nguyên đơn đã thực hiện xong.

3/ *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Út H được miễn không phải chịu. Hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Út H tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 001023 ngày 01/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 26/9/2022, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Út H nộp đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Đoàn Minh T trả lại phần đất lấn chiếm diện tích 322,6m^2, thuộc thửa 10, tờ bản đồ số 11, tọa lạc ấp H, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện và nội dung kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Út H, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 13/9/2022 Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm mở phiên tòa xét xử vụ án và tuyên án kết thúc vào lúc 11 giờ 00 phút cùng ngày. Khi xét xử nguyên đơn và bị đơn có mặt. Đến ngày 26/9/2022 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Út H kháng cáo và kèm theo đơn xin miễn án phí phúc thẩm; Tại giấy xác nhận đã nhận đơn kháng cáo số 38/GB-TA ngày 26/9/2022; Thông báo số 506/TB-TA ngày 26/9/2022, về việc miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm;

Thông báo kháng cáo số 39A/TB-TA ngày 26/9/2022. Đến ngày 01/12/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án số 220 đối với các đương sự nêu trên.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có lý do. Chỉ có mặt người có liên quan là bà Tuyết và ông L; Căn cứ vào Khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Út H đến trực tiếp nộp đơn tại Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm vào ngày 26/9/2022, đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các Điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà Nguyễn Thị Út H kháng cáo yêu cầu chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông Đoàn Minh T trả lại phần đất lấn chiếm diện tích 322,6m^2, thuộc thửa 10, tờ bản đồ số 11, tọa lạc ấp H, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên kháng cáo: yêu cầu sửa toàn bộ án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung của Bản án sơ thẩm số 74/2022/DS-ST ngày 13/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Về nội dung:

[4] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Út H yêu cầu sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Nhận thấy, theo nguyên đơn phần đất tranh chấp là con mương do gia đình nguyên đơn thuê người ta đào để sử dụng. Theo bị đơn thì phần đất tranh chấp là do bị đơn sử dụng ổn định từ trước đến nay. Phía trước ngang lộ bị đơn xây dựng hàng rào, phía sau bị đơn có trồng 04 cây tràm bông vàng từ rất lâu. Hiện gia đình bị đơn cũng đã lấp một phần con mương để sử dụng. Xét thấy, qua xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 29/4/2022 thì phần đất tranh chấp có một phần là con mương, trên phần đất tranh chấp gia đình bị đơn có xây dựng hàng rào và trồng cây tràm bông vàng (loại A). Phần đất theo bị đơn chỉ ranh đều có trụ đá làm ranh. Ngoài ra, phần đất nguyên đơn hiện đang sử dụng không có giáp ranh với phần đất tranh chấp. Giáp phần đất tranh chấp là do gia đình ông Nguyễn Văn Lắm và gia đình bà Nguyễn Thị Tuyết đang sử dụng. Đồng thời, theo sơ đồ vị trí giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn cũng thể hiện thửa đất của nguyên đơn không giáp với phần đất tranh chấp. Mặt khác, theo biên bản thỏa thuận đo đất ngày 16/10/2004 giữa ông Nguyễn Văn A, Lê Thị S và bà Nguyễn Lệ T "*…nay bà Lê Thị S cùng ông Nguyễn Văn A đồng ý đo đất trừ số tiền thiếu của bà Nguyễn Lệ T số đất ngang 15m, dài 67,3m bằng 1.009,5m^2, phía nam giáp Đoàn Văn T, phía đông giáp Nguyễn Thị T, phía tây giáp lộ củ, phía bắc giáp Nguyễn Văn A*". Theo lời trình bày của bà T cũng thể hiện là có nhận phần đất của bà S và ông A trừ nợ. Vì vậy, tòa án cấp sơ thẩm xác định phần đất tranh chấp là do bị đơn sử dụng ổn định. Đồng thời, nguyên đơn cũng không có sử dụng phần đất tiếp giáp với phần đất tranh chấp. Cho nên cấp sơ thẩm không chấp nhận, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[6] Đối phần đất tranh chấp có diện tích theo số đo thực tế là 322,6m^2. Nhận thấy: Theo nguyên đơn khởi kiện phần đất tranh chấp diện tích ngang 03m x dài 90m. Tuy nhiên, khi Tòa án tiến hành thẩm định và đo đạc phần đất tranh chấp thì giữa nguyên đơn và bị đơn lại thống nhất chỉ ranh phần đất tranh chấp có số đo là 322,6m^2. Đồng thời, phần đất tranh chấp mà các bên thống nhất chỉ ranh, đo đạc thì phía giáp thửa 807 đều có trụ đá làm ranh. Theo ông L thì trụ đá là có sẵn từ khi ông nhận chuyển nhượng đất. Do đó, mặc dù nguyên đơn chỉ khởi kiện yêu cầu diện tích là ngang 03m dài 90m nhưng do các bên thống nhất diện tích tranh chấp và phần đất tranh chấp cũng không ảnh hưởng đến quyền lợi của người thứ ba. Do đó, cấp sơ thẩm xác định diện tích các đương sự tranh chấp như đo đạc thực tế là 322,6m^2

[7] Đối với tài sản trên đất là hàng rào được xây dựng bằng cột bê tông, lưới B40, xây gạch và 04 cây tràm bông vàng các đương sự đều thừa nhận do bị đơn xây dựng và trồng. Trong quá trình giải vụ án và tại phiên tòa các đương sự không yêu cầu giải quyết. Trường hợp Tòa án giải quyết phần đất thuộc về nguyên đơn thì bị đơn tự di dời tài sản trên đất mà không yêu cầu bồi thường gì. Do đó, đối với tài sản trên đất cấp sơ thẩm không đặt ra xem xét là có căn cứ.

[8] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Út H là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật. Xét thấy, kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Út H không có căn cứ, cho nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[9] Lời đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí phúc thẩm: Hướng dẫn tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị Út H được miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148, khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Út H và giữ nguyên bản án sơ thẩm số 74/2022/DS-ST ngày 13/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Án sơ thẩm được tuyên lại như sau:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 157, Điều 165, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 của Bộ luật dân sự; Điều 203 của Luật đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12, Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Út H về việc buộc bị đơn ông Đoàn Văn T trả lại phần đất tranh chấp lấn chiếm có diện tích 322,6m^2, thuộc thửa 11, tờ bản đồ số 11, tọa lạc ấp H, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Phần đất có tứ cạnh như sau:

+ Hướng đông giáp lộ nhựa có số đo: 3,8m.

+ Hướng tây giáp lộ củ có số đo: 3,5m.

+ Hướng nam giáp thửa 11có số đo: 2,26m + 17,74m + 60,33m.

+ Hướng bắc giáp thửa 807 có số đo: 1,43m + 12,35m + 6,24m + 60,48m.

(Có sơ đồ kèm theo)

2. *Về chi phí thẩm định và định giá*: Tổng số tiền là 4.000.000 đồng (*bốn triệu đồng*) buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị Út H phải chịu. Nguyên đơn đã thực hiện xong.

3. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Út H được miễn không phải chịu. Hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Út H tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 001023 ngày 01/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

2/ Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Út H được miễn nộp.

3/ Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND Tx Ngã Năm;
- Chi cục THADS Tx N;
- Các đương sự (16);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Văn Dũ